

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÌNH QUỐC
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÌNH QUỐC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DINH QUOC GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DINHQUOCGROUP.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110267045

3. Ngày thành lập: 28/02/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Nhà H22, ngõ 68 Phố Trung Kính, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0988357374

Fax:

Email: tapdoandinhquoc@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: Thang máy, cầu thang tự động; Các loại cửa tự động; Hệ thống đèn chiếu sáng; Hệ thống hút bụi; Hệ thống âm thanh; Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc; - Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước; - Chống ẩm các toà nhà; - Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ); - Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối; - Uôn thép; - Xây gạch và đặt đá; - Lợp mái các công trình nhà để ở; - Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo; - Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp; - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà.	4390
5.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Trừ đấu giá	4513
6.	Bán mô tô, xe máy Trừ đấu giá	4541
7.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Môi giới mua bán hàng hóa.	4610
8.	Bán buôn thực phẩm	4632
9.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
11.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
12.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
13.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
14.	Trồng cây ăn quả	0121
15.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
16.	Trồng cây lâu năm khác	0129
17.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
18.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
19.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
20.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
21.	Khai thác gỗ	0220
22.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
23.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
24.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
25.	Khai thác và thu gom than cứng	0510

26.	Khai thác và thu gom than non	0520
27.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
28.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm).	8299
29.	Giáo dục nhà trẻ	8511
30.	Giáo dục mẫu giáo	8512
31.	Giáo dục tiểu học	8521
32.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
33.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
34.	Đào tạo sơ cấp	8531
35.	Đào tạo trung cấp	8532
36.	Đào tạo cao đẳng	8533
37.	Đào tạo đại học	8541
38.	Đào tạo thạc sỹ	8542
39.	Đào tạo tiến sỹ	8543
40.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
41.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
42.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
43.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế	8610
44.	Hoạt động thư viện và lưu trữ	9101
45.	Hoạt động bảo tồn, bảo tàng	9102
46.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
47.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
48.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
49.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu - Hoạt động của các phòng hát karaoke theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh karaoke, vũ trường. - Hoạt động của các sàn nhảy theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh karaoke, vũ trường.	9329
50.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
51.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
52.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
53.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633

54.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Kinh doanh bất động sản	6810
55.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Hoạt động môi giới bất động sản; - Trung gian trong việc mua, bán hoặc cho thuê bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng; - Quản lý bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng; Dịch vụ định giá bất động sản; Sàn giao dịch bất động sản.	6820

56.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: Thiết kế và phác thảo công trình; Lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; - Thiết kế máy móc và thiết bị; - Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông; - Hoạt động đo đạc bản đồ: Dịch vụ điều tra, đo đạc và lập bản đồ, vẽ bản đồ và thông tin về không gian; - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước: Điều tra địa vật lý, địa chấn, động đất; - Hoạt động điều tra địa chất; - Hoạt động điều tra đất đai và đường biên giới; - Hoạt động điều tra thủy học; - Hoạt động điều tra lớp dưới bề mặt; - Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác: Việc chuẩn bị và thực hiện các dự án liên quan đến kỹ thuật điện và điện tử, kỹ thuật khai khoáng, kỹ thuật hoá học, dược học, công nghiệp và nhiều hệ thống, kỹ thuật an toàn hoặc những dự án quản lý nước; - Việc chuẩn bị các dự án sử dụng máy điều hoà, tủ lạnh, máy hút bụi và kỹ thuật kiểm soát ô nhiễm, kỹ thuật âm thanh...; - Tư vấn giám sát xây dựng, thiết bị; - Tư vấn lập dự án, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác; - Tư vấn đầu thầu: lập, đánh giá báo cáo quy hoạch, tổng sơ đồ phát triển, kiến trúc; khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đánh giá tác động môi trường; khảo sát, lập thiết kế, dự toán; lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thẩm tra, thẩm định; giám sát; quản lý dự án; đào tạo, chuyển giao công nghệ; - Thẩm định dự án.	7110
57.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
58.	Quảng cáo	7310
59.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
60.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
61.	Cho thuê xe có động cơ	7710
62.	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Bán buôn tổng hợp nhiều loại hàng hóa, không chuyên doanh loại hàng nào.	4690
63.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
64.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
65.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891

66.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
67.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
68.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
69.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
70.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
71.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
72.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
73.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
74.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác Chi tiết: Sản xuất dây và cáp sợi tách biệt từ sắt, đồng, nhôm.	2732
75.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
76.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
77.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
78.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
79.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
80.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
81.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
82.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
83.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
84.	Bốc xếp hàng hóa	5224
85.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
86.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
87.	Cơ sở lưu trú khác	5590
88.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
89.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
90.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
91.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
92.	Hoạt động chiếu phim	5914
93.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
94.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
95.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
96.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
97.	Đại lý du lịch	7911
98.	Điều hành tua du lịch	7912
99.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990

100.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
101.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
102.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
103.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
104.	Xây dựng nhà không để ở	4102
105.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
106.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
107.	Xây dựng công trình điện	4221
108.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
109.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
110.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
111.	Xây dựng công trình thủy	4291
112.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
113.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
114.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
115.	Phá dỡ	4311
116.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
117.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

6. Vốn điều lệ: 608.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 60.880.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	HÀ THỊ DUNG	Thôn Ác 12, Xã Sơn Thành, Huyện Nho quan, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.217.6 00	12.176.000.000	2,000	0371600058 24	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.217.6 00	12.176.000.000	2,000		
2	ĐÌNH QUỐC VƯƠNG	Thôn Ác 12, Xã Sơn Thành, Huyện Nho quan, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.217.6 00	12.176.000.000	2,000	0372020023 85	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.217.6 00	12.176.000.000	2,000		

3	ĐINH QUỐC CHUÔNG	Thôn Ác 12, Xã Sơn Thành, Huyện Nho quan, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	58.444.800	584.448.000.000	96,000	037085010519
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	58.444.800	584.448.000.000	96,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐINH QUỐC CHUÔNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 03/03/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 037085010519

Ngày cấp: 11/08/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Ác 12, Xã Sơn Thành, Huyện Nho quan, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Ác 12, Xã Sơn Thành, Huyện Nho quan, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội